**TÀI LỆU SINH HOẠT CHI ĐOÀN THÁNG 9**



**I. HỌC TẬP VÀ LÀM THEO LỜI BÁC**

**CHUYỆN CẢM ĐỘNG VỀ BÀI HÁT “LỜI BÁC DẠY LÚC ĐI XA”**

Ai đã từng đến thăm Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch đều lắng đọng, bùi ngùi khi được nghe những câu chuyện kể về cuộc sống giản dị, đời thường của Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời. Một trong những câu chuyện ít người biết đến trong những ngày tháng trước khi Chủ tịch Hồ Chí Minh về với thế giới người hiền là câu chuyện kể về tình yêu Người dành cho đất nước, dành cho những khúc hát dân ca. Câu chuyện giàu tính nhân văn đã tạo cảm hứng cho nhạc sĩ Trần Hoàn sáng tác nên bài hát “Lời Bác dặn trước lúc đi xa” nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩnh biệt toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Ngày 17/8/1969, khi kiểm tra sức khỏe cho Chủ tịch Hồ Chí Minh, các bác sĩ phát hiện tim Người có triệu chứng không bình thường và đề nghị Người không ở và làm việc tại Nhà sàn để tránh phải lên xuống cầu thang hàng ngày. Bác đã đồng ý và chuyển xuống ở hẳn ngôi nhà H67- Ngôi nhà Bộ Chính trị làm giấu Bác (trong thời gian Người đi công tác xa) để đảm bảo an toàn cho Người khi đế quốc Mỹ leo thang bắn phá miền Bắc. Tại đây, chiều ngày 24/8/1967, Bác trải qua một cơn đau tim đột ngột. Tuy yếu mệt, Bác vẫn gắng làm việc, ngày 25/8/1969, Bác gửi thư trả lời Tổng thống Mỹ R.Nixơn. Trong thư Người đã vạch trần tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam là “Quyết chiến đấu đến cùng, không sợ hy sinh gian khổ để bảo vệ Tổ quốc và các quyền dân tộc thiêng liêng của mình”. Sau khi chỉ rõ giải pháp để giải quyết vấn đề Việt Nam, Người viết: “Trong thư, Ngài bày tỏ lòng mong muốn hành động cho một nền hòa bình công bằng. Muốn vậy, Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược và rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam và dân tộc Việt Nam, không có sự can thiệp của nước ngoài. Đó là cách đúng đắn để giải quyết vấn đề Việt Nam phù hợp với quyền dân tộc của nhân dân, với lợi ích của nước Mỹ và nguyện vọng hòa bình của nhân dân thế giới… Với thiện chí của phía ngoài và phía chúng tôi, chúng ta có thể đi tới những cố gắng chung để tìm một giải pháp đúng đắn cho vấn đề Việt Nam”(1). Những ngày nằm trên giường bệnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn không nguôi những trăn trở lo lắng trước tình hình chiến sự của đất nước. Miền Nam chưa được giải phóng, đất nước chưa được thống nhất luôn là nỗi canh cánh trong lòng Bác. Bác đã từng nói: “Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên”(2).

Các Bác sĩ và y tá của Viện Quân y 108 được cử đến để chăm sóc sức khỏe của Người. Đồng chí y tá Ngô Thị Oanh kể lại: “Bác chỉ nằm, không đòi hỏi một thứ gì, không kêu ca đau đớn. Bác chỉ muốn nghe tin thời sự, nhất là tình hình chiến sự miền Nam. Và khi nghe quân ta bắn rơi nhiều máy bay Mỹ thì Bác rất phấn khởi”(3). Buổi sáng 2/9/1969, tình trạng sức khỏe của Bác Hồ có những diễn biến xấu đi. Sau mỗi cơn đau tỉnh dậy Bác hỏi: “Hôm nay, miền Nam đánh thắng ở đâu?”. Sắp đến ngày kỷ niệm Tết độc lập của dân tộc, thấy Thủ tướng Phạm Văn Đồng đến thăm, Bác hỏi: “Các chú chuẩn bị lễ kỷ niệm Quốc khánh đến đâu rồi, các chú nhớ bắn pháo hoa để động viên tinh thần chiến đấu của nhân dân, đến ngày đó Bác sẽ cố gắng ra gặp đồng bào mươi lăm phút”. Nhưng Lễ kỷ niệm Quốc khánh năm đó thiếu vắng Bác vì bệnh tình của Người đã có phần giảm sút trầm trọng.

Y tá Ngô Thị Oanh là người túc trực chăm sóc sức khỏe cho Bác kể lại: “Buổi sáng tôi vào mời Bác uống thuốc, cắt móng tay cho Người, cắt xong Bác hài lòng hỏi tôi:

-    Cháu tên gì?

-    Dạ thưa Bác, cháu tên Ngô Thị Oanh ạ!

-    Quê cháu ở đâu?

-    Thưa Bác! Quê cháu ở Liên Châu, huyện An Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc ạ!

-    Cháu có biết hát không?

Tôi đang lúng túng chưa biết thưa Bác thế nào thì đồng chí Vũ Kỳ đứng cạnh đó trả lời giúp tôi.

-    Thưa Bác! Để cháu Oanh hát Bác nghe.

Bất ngờ và hồi hộp, tôi trấn tĩnh và hát bài: “Chiến sĩ quân y làm theo lời Bác” và bài dân ca quan họ Bắc Ninh “Người ở đừng về” trong niềm xúc động nghẹn ngào”(4). Nghe xong bài hát, Bác gật đầu mỉm cười rồi cố với lấy một bông hoa hồng trong lọ hoa ở đầu giường nơi Người nằm tặng cho cô y tá. Không một ai trong căn phòng khỏi nghẹn ngào trước tình cảm của Bác và những giọt nước mắt lăn dài trên má đã không ngưng được khi trong cơn đau, Người vẫn ân cần, quan tâm, động viên những người xung quanh không phải lo lắng cho mình. Và cũng không một ai ngờ rằng bài hát dân ca quan họ Kinh Bắc là bài hát cuối cùng Bác nghe trước lúc đi xa.

Cả cuộc đời chiến đấu vì lý tưởng cao đẹp của đất nước, vì tự do và hạnh phúc của đồng bào và nhân loại, trong khoảnh khắc cuối cùng của đời người, Bác chỉ có một ước nguyện rằng Bác muốn mang theo âm hưởng làn điệu dân ca của quê hương ngọt ngào, thắm đượm về với cõi vĩnh hằng. Ước nguyện bình dị của Người ẩn chứa cả một tinh thần nhân văn cao đẹp, trong tinh thần ấy là quê hương, nguồn cội, những nỗi nhớ thương chất chứa là ao ước và khát vọng kìm nén trong trái tim. Có lẽ đây là kỷ niệm và là một trong những câu chuyện xúc động cuối cùng về Bác Hồ kính yêu.

Không được chứng kiến câu chuyện xúc động của Bác Hồ lúc cuối đời, nhưng hình ảnh của Bác vẫn luôn in đậm trong trái tim của nhạc sĩ Trần Hoàn. Năm 1989, khi nằm điều trị bệnh tại Bệnh viện Việt - Xô cùng với đồng chí Vũ Kỳ - thư ký riêng của Bác, nhạc sĩ Trần Hoàn được đồng chí Vũ Kỳ kể lại cho nghe một câu chuyện xúc động ấy. Theo dòng cảm xúc đối với Người cha kính yêu của dân tộc, nhạc sĩ Trần Hoàn đã sáng tác nên bài hát “Lời Bác dặn trước lúc đi xa”. Bài hát được ra đời đúng dịp kỷ niệm 20 năm ngày mất của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đã làm rung động trái tim của hàng triệu người con nước Việt. Bài hát giúp chúng ta

Những mong muốn ấy là chất chứa nỗi niềm gia đình, quê hương xứ sở và tổ quốc mình. Bài hát là một câu chuyện rất “đời” bình dị và ý nghĩa, như lời dặn tâm tình của một người cha già trước lúc đi xa, rằng luôn mong con cháu giữ được “phần hồn” của văn hóa dân tộc, bản sắc quê hương. Nhạc sĩ Trần Hoàn đã kể lại một câu chuyện có thật bằng chính cảm xúc của ông. Điều đó đã đưa bài hát “Lời Bác dặn trước lúc đi xa” đến gần hơn và sống trong trái tim của triệu triệu người dân Việt Nam, khiến cho tâm hồn của mỗi người đều bị lay động. Lời ca như thủ thỉ tâm tình, tái hiện lại hình ảnh vị Cha già kính yêu của dân tộc - rất vĩ đại nhưng cũng quá đỗi bình dị, thân thương…

Nhân kỷ niệm 50 năm (1967 - 2017) bảo tồn Di tích H67- Nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh họp Bộ Chính trị (từ 1967 - 1969) và cũng là nơi Người dưỡng bệnh và qua đời, chúng ta cùng nhau ôn lại những kỷ niệm cảm động về Người, về niềm mong ngóng của Người tại ngôi nhà này, trước lúc đi xa. Đã 50 năm trôi qua, căn phòng vắng hình bóng Bác nhưng mỗi kỷ vật, mỗi câu chuyện và ký ức về Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn còn hiện hữu và mỗi lớp thế hệ nối tiếp thế hệ lại được kể cho nhau nghe về Người bằng cả tình mến yêu trân trọng.được đến gần với Bác Hồ, hiểu hơn về con người và nhân cách của Người. Những giây phút cuối cùng trong cuộc đời Bác cũng có những mong muốn:

Muốn nghe một câu hò xứ Huế… Muốn nghe một câu hò xứ Nghệ… Muốn nghe một đôi khúc dân ca…

Nguồn: Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch

**II. TRUYỀN THỐNG**

**1. Theo dòng lịch sử**

**KỶ NIỆM 77 NĂM NGÀY QUỐC KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA**

 **XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (02/9/1945 – 02/9/2022)**

Quyền con người và quyền công dân trong Tuyên ngôn độc lập

Là một áng văn lập quốc ngắn gọn, súc tích, Tuyên ngôn độc lập do Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội tuyên bố trước quốc dân và thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không chỉ là một văn bản pháp lý hiện đại, khai sinh một nước Việt Nam mới, mở ra một kỷ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam mà còn khẳng định quyền con người - một giá trị phổ quát của nhân loại và quyền công dân đã, đang và sẽ được thực thi ở cả phương diện lý luận cũng như trong thực tiễn.

Bản Tuyên ngôn Độc lập bằng 3 thứ tiếng Việt - Anh - Pháp do VNTTX phát đi ngày 15/9/1945, thông báo với toàn thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam mới. Đây là bản tin phát sóng đầu tiên của VNTTX

Tuyên ngôn độc lập và vấn đề quyền con người, quyền công dân

“Quyền con người là những bảo đảm pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ các cá nhân và nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép và tự do cơ bản của con người”. Hiểu một cách khái quát thì đó là “những quyền bẩm sinh, vốn có của con người mà nếu không được hưởng thì chúng ta sẽ không thể sống như một con người”. Với ý nghĩa đó, quyền con người là tự nhiên, vốn có, không do chủ thể nào ban phát; được áp dụng bình đẳng với tất cả mọi người thuộc mọi dân tộc, trong mọi hoàn cảnh,  không thay đổi theo thời gian và không phụ thuộc vào biên giới quốc gia, lãnh thổ hay tư cách cá nhân, môi trường sống của họ.

Quyền con người “được thể hiện và bảo đảm bằng các quy định của pháp luật, dưới các hình thức điều ước quốc tế, tập quán quốc tế, nguyên tắc pháp luật chung và các nguồn khác của luật quốc tế”. Quan niệm này cho thấy tính nhân đạo, nhân văn vì con người; đồng thời, cũng là cơ sở để con người có thể đấu tranh với những biểu hiện vi phạm về quyền con người ở nơi này hay nơi khác, quốc gia này hay quốc gia khác.

Gần gũi với khái niệm quyền con người, nhưng quyền công dân có nội dung "thu hẹp" hơn quyền con người và gắn liền với nhà nước (nhà nước pháp điển hóa các quyền tự nhiên của con người dưới hình thức các quyền công dân). Đó là “tập hợp những quyền tự nhiên được pháp luật của một nước ghi nhận và bảo đảm, nhưng chủ yếu dành cho những người có quốc tịch của nước đó”. Vì thế, quyền công dân không áp dụng chung cho tất cả các quốc gia mà là được áp dụng trong một quốc gia nhất định; và đi lền cùng đó là các quốc gia khác nhau có hệ thống quyền công dân khác nhau.

Thực tế, quyền công dân chỉ là những quyền con người được các nhà nước thừa nhận, áp dụng cho riêng công dân của mình; thể hiện vị thế của mỗi cá nhân trong quan hệ với quốc gia mà cá nhân đó là công dân và có nội hàm hẹp hơn so với quyền con người; đồng thời, chỉ được áp dụng trong lãnh thổ quốc gia và có thể bị thay đổi theo thời gian.

Về bản chất, cả quyền con người và quyền công dân đều là những gì mà một cá nhân con người được phép làm và được thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ bởi các chủ thể khác; đều biểu thị mối quan hệ của cá nhân con người với cộng đồng nhân loại (quyền con người) và với quốc gia nơi mà người đó có quốc tịch (quyền công dân); đều xoay quanh một chủ thể chung (của quyền), đó chính là con người và một chủ thể chung (có nghĩa vụ) chính là là cộng đồng nhân loại mà thể chế chính trị - pháp lý trung tâm là nhà nước.

Lịch sử nhân loại kể từ khi xã hội có sự phân chia giai cấp và nhà nước, có bóc lột và bị bóc lột, có áp bức và bị áp bức thì cũng đã có những cuộc đấu tranh cho quyền tự do, bình đẳng của con người và công bằng trong xã hội. Tư tưởng về giải phóng con người, thực hiện quyền con người được hình thành và phát triển qua các giai đoạn lịch sử của nhân loại, gắn liền với từng quốc gia, dân tộc. Đấu tranh cho quyền con người luôn là tâm điểm của các cuộc đấu tranh dân tộc, giai cấp; gắn liền với các cuộc đấu tranh để giải phóng dân tộc, giai cấp, con người và diễn ra trên mọi phương diện chính trị, tư tưởng, kinh tế, xã hội…

Chủ nghĩa Mác - Lênin khi bàn về quyền con người đã thể hiện rõ sự thống nhất trong tư tưởng của các ông về con người và về quyền của con người; về tự do và dân chủ; về con đường đấu tranh để giải phóng con người và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Con người theo C.Mác “là tổng hòa những quan hệ xã hội” và “tự do là cái vốn có của con người đến mức mà ngay cả những kẻ thù của tự do; cũng thực hiện tự do, trong khi chống lại việc thực hiện đó, chúng muốn chiếm lấy, với tư cách là vật trang sức quý giá nhất, cái mà họ đã bác bỏ, với tư cách là vật trang sức của bản tính loài người”… Hơn nữa, “cái quan niệm cho rằng tất cả mọi người, với tư cách là con người, đều có một cais gì chung, rằng trong phạm vi cái chung đó mọi người đều bình đẳng, dĩ nhiên là một quan niệm rất cũ rồi”, bởi rằng, con người là sản phẩm của xã hội, của những quan hệ xã hội mà xã hội thì luôn vận động, cho nên con người và quyền con người cũng thay đổi, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh.

Nói thế để thấy rằng, quyền tự do và bình đẳng là quyền cốt lõi nhất của con người, nhưng các quyền đó không thể và không được thực thi trong một xã hội/quốc gia/dân tộc đang bất bình đẳng - đang chịu sự bất bình đẳng - đang bị thống trị bởi một quốc gia khác. Nói thế cũng để thấy rằng, Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên khi đất nước đang đắm chìm trong đêm trường nô lệ dưới ách thống trị tàn bạo của thực dân Pháp; khi mà ở nơi đó, mọi quyền sống của con người và quyền dân tộc đều không được thực thi, nên Người nhận thức sâu sắc rằng, ở nơi đó những người dân bị mất nước không có quyền con người và càng không có quyền công dân.

Yêu nước và thương dân, nguyện vọng thiết tha của Hồ Chí Minh là: "Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu" và “Cái mà tôi cần nhất trên đời là: Đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập”. Vì thế, Hồ Chí Minh đã rời Tổ quốc ra đi tìm con đường cứu nước, giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân mình khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân.

Trong hành trình bôn ba, trải nghiệm và khảo cứu tình hình, đời sống chính trị của các quốc gia ở nhiều châu lục, Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc rằng, quyền con người nói chung, quyền công dân nói riêng và quyền tự quyết của mỗi dân tộc chỉ có thể có được/được thực thi khi đất nước được độc lập, tự do, khi người dân là chủ/được làm chủ. Trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, quyền con người, quyền công dân và quyền dân tộc chỉ có thể trở thành hiện thực thông qua  một cuộc "tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"; trong đó, về phương diện xã hội thì: "a) Dân chúng được tự do tổ chức. b) Nam nữ bình quyền,v.v.. c) Phổ thông giáo dục theo công nông hóa"; về phương diện chính trị thì: a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến. b) Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập…;  về phương diện kinh tế thì: "a) Thủ tiêu hết các thứ quốc trái…c) Thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo…f) Thi hành luật ngày làm 8 giờ".

Xuất phát từ điều kiện cụ thể của đất nước và kế thừa có chọn lọc những nội dung hợp lý của tư tưởng nhân quyền hiện đại, tiến bộ của nhân loại, đặc biệt là vận dụng sáng tạo tư tưởng giải phóng con người, giải phóng xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin, những nội dung quan trọng nêu trên được khẳng định trong Chánh cương vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được chính Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhân dân Việt Nam kiên cường đấu tranh và giành lại bằng cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Tuyên ngôn độc lập do Hồ Chí Minh soạn thảo và tuyên bố ngày 2/9/1945 trước toàn dân và thế giới không chỉ tuyên bố sáng lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, khẳng định tính hợp pháp của nước đó và Chính phủ lâm thời do Người đứng đầu mà còn mang một giá trị đặc biệt khi diễn ra đúng thời điểm chiến tranh thế giới thứ hai vừa kết thúc.

Có thể thấy, quyền con người, quyền công dân, mối quan hệ giữa quyền con người và quyền công dân Hồ Chí Minh đã nêu ra/thể hiện trong Tuyên ngôn độc lập năm 1945 không chỉ được thực thi tại Việt Nam mà còn ngày càng được điều chỉnh, bổ sung, mở rộng, quy định rõ ràng và hoàn thiện hơn trong các bản Hiến pháp; trong chủ trương, chính sách của Đảng và hệ thống pháp luật của Nhà nước. Trong thực tế, thể chế hóa Hiến pháp năm 2013 và thực thi các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã gia nhập, ký kết, Việt Nam đã bổ sung, sửa đổi và ban hành nhiều văn bản luật, pháp lệnh liên quan đến quyền con người, quyền công dân, phù hợp với Hiến pháp năm 2013. Trong đó, phải kể đến Luật đầu tư 2014, Luật doanh nghiệp 2014, Luật trưng cầu dân ý 2015, Luật quy hoạch 2017, Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017, Luật tiếp cận thông tin 2018…

Có thể nói, 75 năm trôi qua kể từ khi Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã nỗ lực để hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người, quyền công dân; từng bước chế định, hoàn thiện, xác định và quy định rõ ràng hơn về quyền con người và quyền công dân. Việc thực thi 2 quyền này ở Việt Nam chính là nhằm để mỗi người dân/công dân Việt Nam ngày càng được thụ hưởng tốt hơn quyền con người, quyền công dân gắn với quá trình xây dựng và bảo vệ, phát triển đất nước, nhất là trong 35 năm đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng. Minh chứng sinh động này cũng cho thấy, không chỉ dừng chỉ ở đó mà Việt Nam còn đóng góp tích cực vào hoạt động của Hội đồng Bảo an, Hội đồng Nhân quyền, Hội đồng Kinh tế - xã hội, Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020-2021,v.v.. và là thành viên có trách nhiệm với Liên hợp quốc để hiện thực hóa quyền con người, quyền công dân trong cộng đồng các quốc gia trên thế giới./.

Nguồn: Tạp chí Ban Tuyên giáo Trung ương

**NGÀY NAM BỘ KHÁNG CHIẾN 23/9/1945**

Sau khi giành được độc lập, chính quyền cách mạng non trẻ phải cùng lúc đối mặt với hàng chục phe phái chống phá ở trong nước và hơn 300.000 quân nước ngoài chiếm đóng từ Bắc tới Nam. Tại hội nghị toàn quốc tháng 8/1945, Đảng đã vạch rõ: quân Đồng Minh sắp vào nước ta và thực dân Pháp đang âm mưu khôi phục lại địa vị thống trị của mình ở Đông Dương.

Sau khi giành được độc lập, chính quyền cách mạng non trẻ phải cùng lúc đối mặt với hàng chục phe phái chống phá ở trong nước và hơn 300.000 quân nước ngoài chiếm đóng từ Bắc tới Nam. Tại hội nghị toàn quốc tháng 8/1945, Đảng đã vạch rõ: quân Đồng Minh sắp vào nước ta và thực dân Pháp đang âm mưu khôi phục lại địa vị thống trị của mình ở Đông Dương.

Khi nước Pháp bị Đức quốc xã chiếm đóng và phát xít Nhật tràn vào Đông Dương, chính phủ lâm thời do tướng Ch. de Gaulle đứng đầu phải lưu vong ở châu Phi, nhưng vẫn không từ bỏ tham vọng tái chiếm Đông Dương. Ngay khi nghe tin Nhật đầu hàng quân Đồng Minh, tướng Ch. de Gaulle đã chỉ thị cho Cao ủy Pháp tại Đông Dương là đô đốc Thierry d’ Argenlieu thực hiện sứ mệnh “Lập lại chủ quyền của Pháp trên các lãnh thổ của Liên bang Đông Dương” nhằm hiện thực hóa tham vọng của mình.

Để tái chiếm Đông Dương, Pháp phải cần đến sự giúp đỡ của Mỹ. Còn Chính phủ Mỹ cho rằng “Một chính phủ ở Đông Dương bị Việt Minh thống trị có thể có hại cho quyền lợi của Mỹ” và chủ trương “Loại trừ càng xa càng tốt ảnh hưởng của cộng sản ở Đông Dương”. Mặt khác, Mỹ muốn lôi kéo Pháp về phe mình để chống lại ảnh hưởng của Liên Xô nói riêng và phe XHCN ở châu Âu. Chính vì vậy, Tổng thống Mỹ đã chấp nhận “Trong mọi trường hợp, đối với Đông Dương, chính phủ của tôi không chống lại việc chính quyền và quân đội Pháp quay trở lại xứ ấy” và đồng ý cho Pháp vay dài hạn 650 triệu đôla, ngoài ra Mỹ còn viện trợ vũ khí và cho tàu chở quân Pháp sang Đông Dương.

Trong khi đó, nước Anh - một nước có nhiều thuộc địa ở châu Á cũng chủ trương “giữ nguyên trạng”, thuộc địa của đế quốc nào trả lại cho đế quốc đó. Do đó, ngày 24/8/1945, Anh ký với Pháp hiệp ước công nhận chủ quyền của Pháp ở Đông Dương. Ngày 6/9/1945, những người lính Anh đầu tiên đến Sài Gòn theo quy định của Hội nghị Potsdam. Việc đầu tiên là muốn chuyển giao Nam bộ Phủ (tức trụ sở Ủy ban) cho họ, tuy nhiên Ủy ban Nhân dân Nam bộ đã phản đối và yêu cầu Phái bộ Anh đóng ở Dinh Toàn quyền cũ.

Ngày 11/9, tướng Anh là Gracey đến Sài Gòn. Tuy Hội nghị Postdam chỉ giao cho Phái bộ quân sự Anh nhiệm vụ giải giới và hồi hương quân Nhật, nhưng tướng Gracey lại đưa ra một loạt biện pháp nhằm giúp Pháp tái chiếm Nam bộ như: yêu cầu phía ta giải tán các đội tự vệ; ngăn cấm người dân tham gia các hoạt động ủng hộ chính quyền cách mạng... Phái bộ quân sự Anh còn trang bị vũ khí cho trên 1.400 lính Pháp bị quân Nhật bắt giữ trước đó.

Nhận thấy dã tâm của Pháp và sự câu kết của Anh - Mỹ, Xứ ủy và Ủy ban Nhân dân Nam bộ một mặt, đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao nhằm tỏ rõ thiện chí hòa bình để tranh thủ thời gian củng cố lực lượng về mọi mặt, đồng thời tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến sắp tới. Ủy ban Kháng chiến Nam bộ và Ủy ban Kháng chiến Sài Sòn được thành lập và hoạt động bí mật. So sánh thế và lực giữa ta và địch, các ủy ban kháng chiến quyết định dùng chiến thuật “trong đánh ngoài vây”, bên trong có nhiệm vụ tiêu hao, tiêu diệt, phá hủy các cơ sở, phương tiện vật chất của địch. Đơn vị mặt trận ngoại thành chia nhau trấn giữ vị trí các cầu, bao vây cô lập địch trong nội thành, không cho chúng ra ngoài ngoại thành và các tỉnh lân cận. Đồng thời di tản người già, trẻ em về nông thôn, các cơ quan bí mật chuyển hồ sơ, máy móc ra ngoại thành.

Chiều 22/9/1945, lợi dụng lệnh giới nghiêm, quân Pháp gồm tù binh và số mới đến được trang bị vũ khí đã nổ súng vào trụ sở Ủy ban Nhân dân Nam bộ, bưu điện, đài phát thanh.... Các đơn vị vũ trang ở Nam bộ đã anh dũng đánh trả trong cuộc đụng đầu với quân xâm lược. Giữa lúc tiếng súng đang nổ ran tại nhiều nơi trong thành phố, sáng ngày 23/9/1945, Xứ uỷ, Ủy ban Nhân dân và Ủy ban Kháng chiến Nam bộ triệu tập cuộc họp tại nhà 629 đường Cây Mai (nay là đường Nguyễn Trãi, quận 5, TP Hồ Chí Minh), thông qua “Lời kêu gọi của Ủy ban Kháng chiến Nam bộ” do ông Trần Văn Giàu soạn trong đêm. Ủy ban Kháng chiến Nam bộ xác định: “Từ giây phút này, nhiệm vụ hàng đầu của chúng ta là tiêu diệt giăc Pháp và tay sai của chúng”. Ủy ban Nhân dân Nam bộ cũng ra lời kêu gọi “Toàn dân hãy đoàn kết bảo vệ quốc gia”. Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam DCCH ra huấn lệnh “Đồng bào phải kiên quyết, phải giữ vững sự tin tưởng ở tương lai và lập tức thi hành triệt để những lời thề quả quyết trong Ngày Độc lập”.

Giữ vững lời thề “độc lập hay là chết”, Sài Gòn nói riêng và Nam bộ nói chung bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ 2 chỉ sau 28 ngày đêm chuẩn bị. Ngày 23/9/1945 đã đi vào lịch sử là ngày Nam bộ kháng chiến, mở đầu cho 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và 20 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ, xứng đáng với danh hiệu “thành đồng Tổ quốc” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh khen tặng.

Nguồn: baotanglichsu.vn

**Phong trào Xô Viết – Nghệ Tĩnh: Tinh thần đấu tranh oanh liệt của Nhân dân ta**

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đầu năm 1930 phong trào đấu tranh của Nhân dân bùng lên mạnh mẽ khắp cả nước. Phong trào đấu tranh đặc biệt mạnh mẽ từ Ngày Quốc tế Lao động 01-5-1930, lần đầu tiên công nông và dân chúng tỏ rõ dấu hiệu đoàn kết với vô sản thế giới và biểu dương lực lượng của mình. Mặc dù cách xa nhau cả ngàn cây số, ba cuộc biểu tình của nông dân diễn ra ở Tiền Hải (Thái Bình), Bến Thuỷ (Nghệ An) và Chợ Mới (Long Xuyên) đều do Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương và phát động. Từ thành phố cho đến nông thôn, khắp cả nước xuất hiện nhiều truyền đơn, cờ Đảng, mít tinh, bãi công, biểu tình, tuần hành thị uy. Một phong trào nông dân rộng lớn chưa hề thấy, đã diễn ra trên 25 tỉnh thành trong cả nước.

Ngày 01/8/1930, công nhân Vinh - Bến Thủy tổng bãi công, đánh dấu thời kỳ mới, thời kỳ đấu tranh kịch liệt đã đến. Hòa nhịp với phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân Nghệ - Tĩnh đã tổ chức nhiều cuộc biểu tình có vũ trang tự vệ kéo đến các huyện đường Can Lộc, Nam Đàn, Thanh Chương, Nghi Lộc…

Tháng 9/1930, phong trào công - nông phát triển tới đỉnh cao; quần chúng đã vũ trang tự vệ, biểu tình thị uy có vũ trang, tiến công vào cơ quan chính quyền của địch ở địa phương. Đặc biệt, cuộc đấu tranh của hơn 8.000 nông dân Hưng Nguyên nổ ra ngày 12/9/1930 để hưởng ứng cuộc đấu tranh của nông dân các huyện và cuộc bãi công của công nhân Vinh - Bến Thủy, phản đối chính sách khủng bố của bọn thực dân và phong kiến tay sai. Thực dân Pháp cho máy bay tới ném bom, làm 217 người chết, 125 người bị thương, càng làm cho phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân vùng lên như bão táp, bộ máy chính quyền của thực dân và phong kiến tay sai ở nhiều huyện bị tê liệt, ở nhiều xã bị tan rã. Các tổ chức cơ sở đảng ở địa phương đã kịp thời lãnh đạo quần chúng thực hiện quyền làm chủ, tự đứng ra quản lý đời sống của mình, thực hiện nhiệm vụ của chính quyền nhân dân theo hình thức Xô Viết.

Chính quyền Xô Viết đã ban hành và thực thi nhiều chủ trương, chính sách đem lại lợi ích chính đáng cho Nhân dân như: Ban bố quyền tự do dân chủ, tổ chức cho Nhân dân tham gia các đoàn thể cách mạng, trừng trị bọn phản cách mạng, giữ gìn trật tự an ninh; chia lại công điền, công thổ cho nông dân, thực hiện giảm tô, xóa nợ, thủ tiêu các thứ thuế vô lý... Chính quyền Xô Viết tỏ rõ bản chất cách mạng và tính ưu việt của mình - thực sự là một chính quyền của dân, do dân và vì dân.

Phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh là một sự kiện trọng đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tuy chỉ tồn tại trong vòng 7 tháng và còn sơ khai, nhưng đã để lại những dấu ấn tốt đẹp về một Nhà nước công nông đầu tiên, chưa có trong tiền lệ lịch sử, đáp ứng khát vọng độc lập, tự do cháy bỏng của người dân mất nước, nô lệ. Quốc tế Cộng sản đã nhiệt liệt biểu dương và đánh giá cao phong trào.

Phong trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao Xô Viết - Nghệ Tĩnh có ý nghĩa lịch sử quan trọng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp ở nước ta. Thành công có tính chiến lược của Đảng trong giai đoạn này là thực hiện công nông liên minh, một cuộc liên minh chiến đấu, không phải cuộc liên minh trên giấy tờ ở trong phòng họp, một cuộc liên minh của đa số đồng bào Việt Nam, làm cho đế quốc suy đến triển vọng mà kinh hoàng. Đánh giá về ý nghĩa lịch sử to lớn của cao trào cách mạng 1930 - 1931, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Tuy đế quốc Pháp đã dập tắt phong trào đó trong một biển máu nhưng Xô Viết - Nghệ Tĩnh đã chứng tỏ tinh thần oanh liệt và năng lực cách mạng của nhân dân lao động Việt Nam. Phong trào tuy thất bại, nhưng nó rèn lực lượng cho cuộc Cách mạng tháng Tám thắng lợi sau này”.

Cao trào 1930 - 1931, mà đỉnh cao là Xô Viết - Nghệ Tĩnh đã để lại bài học lớn về sức lôi cuốn, tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân của Đảng ta thông qua đường lối, chủ trương, khẩu hiệu đấu tranh đúng đắn, đáp ứng được khát vọng cháy bỏng của Nhân dân. Quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản được thực hiện trọn vẹn, tuy Đảng còn rất trẻ. Đảng ta ngay từ đầu đã giúp Nhân dân cảm nhận được những lợi ích cơ bản và cấp bách của mình thông qua các chủ trương, khẩu hiệu đúng đắn là giành độc lập thoát khỏi ách nô lệ, giành ruộng đất, nhà máy về tay công nông, thực hiện những quyền dân sinh, dân chủ cơ bản đầu tiên...; từ đó khơi dậy và thúc đẩy động lực cách mạng trong Nhân dân.

                                                                                    Nguồn: Sưu tầm